

Số: /BC-STNMT

Bắc Kạn, ngày tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết công tác ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6973/BTNMT-VP ngày 10/12/2020 về việc chuẩn bị công tác năm 2020 của ngành tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chung.

1. Kết quả xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền, phân cấp và tổ chức thực hiện các chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường của địa phương.

Tham mưu xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 ban hành Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 ban hành quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Theo dõi, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Ban hành Kế hoạch số 10/KH-STNMT ngày 20/01/2020 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2020; tổ chức 04 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật với 337 lượt người tham dự. Đồng thời tuyên truyền đầy đủ, kịp thời những văn bản pháp luật mới thông qua hình thức bằng văn bản đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động. Tuyên truyền, vận động công chức, viên chức, người lao động tham gia đầy đủ các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến do UBND tỉnh, các cơ quan liên quan tổ chức và đạt kết quả cao.

2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính (TTHC), các dịch vụ công trực tuyến.

Đảng ủy Sở đã ban hành Nghị quyết số 490-NQ/ĐU ngày 07/01/2020 về nhiệm vụ năm 2020, trong đó đề ra các chỉ tiêu chủ yếu về nâng cao chất lượng công tác CCHC; Sở ban hành Kế hoạch số 01/KH-STNMT ngày 03/01/2020 về việc cải cách hành chính năm 2020, tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Tiếp

tục cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 79/91 TTHC đạt 86,81%, mức độ 4 đối với 41/91 TTHC đạt 45,05%, dịch vụ bưu chính công ích 47/91 TTHC đạt 51,65%. Rà soát, kiến nghị đơn giản hoá 02 TTHC¹.

Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC lĩnh vực tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để thực hiện thống nhất quy trình giải quyết TTHC từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã².

Duy trì thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. Thực hiện các bước chuyển đổi áp dụng từ Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường và công bố hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại Quyết định số 379/QĐ-STNMT ngày 23/10/2020.

Tập trung chỉ đạo giải quyết TTHC bảo đảm đúng thời gian quy định, không để xảy ra tình trạng tồn đọng hồ sơ TTHC. Tiếp nhận 28.467 hồ sơ TTHC, trong đó có 14 hồ sơ TTHC phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. Giải quyết đúng hạn: 26.586 hồ sơ, chiếm 99,98%; có 04 hồ sơ đã trả đúng hạn nhưng viên chức không thao tác đúng quy trình kết thúc trên phần mềm nên bị báo lỗi quá hạn chiếm 0,02% (Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ba Bể và huyện Na Rì). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn đã được giảm so với cùng kỳ năm ngoái (năm 2019 tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn là 0,08%). Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã tăng so với cùng kỳ nhưng chưa đáng kể (năm 2019, số lượng hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 05 hồ sơ, năm 2020, số lượng hồ sơ dịch vụ công trực tuyến là 14 hồ sơ).

3. Công tác tổ chức, cán bộ.

Cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường gồm: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 08 phòng chuyên môn, đơn vị: Văn phòng; Thanh tra; Phòng Đất đai; Phòng Khoáng sản- Tài nguyên nước; Phòng Môi trường; Văn phòng Đăng ký đất đai với 08 Chi nhánh (Văn phòng ĐKĐĐ); Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường. Từ ngày 01/11/2020 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn chỉ còn 01 Quyền Giám đốc, 01 Phó Giám đốc (do Giám đốc Sở nghỉ hưu theo chế độ).

Cấp huyện gồm: 8/8 Phòng Tài nguyên và Môi trường và 134/145 công chức địa chính xã (biên chế giao 145 công chức/108 xã, phường, thị trấn).

Tổng số biên chế ngành tài nguyên môi trường (tỉnh, huyện, xã) có mặt/được giao đến 30/11/2020 là 282/312 người. Trình độ chuyên môn thạc sỹ 39/282 người, chiếm 13%, đại học 202/282 người, chiếm 71,6%. Lý luận chính trị: cao cấp 34/282 người, chiếm 12%, trung cấp 82/282 người, chiếm 29%.

4. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.

4.1. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực:

¹ “Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức từ 30 ngày xuống 25 ngày”;

² “Phê duyệt trữ lượng khoáng sản từ 185 ngày xuống còn 150 ngày”

² Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 22/5/2020; Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 24/8/2020; Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 20/10/2020

Thực hiện 02 cuộc thanh tra thuộc lĩnh vực đất đai đối với 08 tổ chức, đơn vị (Gồm 01 cuộc chuyển từ năm 2019 sang và 01 cuộc thực hiện trong năm 2020). 07 cuộc kiểm tra về tài nguyên và môi trường đối với 36 tổ chức, đơn vị. Qua công tác này đã phát hiện và xử lý nghiêm nhiều hành vi vi phạm, cụ thể như sau: Chánh Thanh tra Sở đã ban hành 24 quyết định xử phạt vi phạm hành chính (06 quyết định xử phạt cảnh cáo; 18 quyết định xử phạt bằng tiền), tổng số tiền xử phạt là: 285.600.000 đồng³. Tham mưu xử lý tài sản do vi phạm hành chính ở xã Hương Nê, huyện Ngân Sơn theo Quyết định số 773/QĐ-XPHC ngày 10/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn. Kết quả: Tổ chức đấu giá xong với số tiền trúng đấu giá là 255.000.000 đồng và thực hiện bàn giao tài sản cho đơn vị trúng đấu giá theo quy định. Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 01 quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, số tiền xử phạt là 140 triệu đồng.

4.2. Kết quả công tác tiếp nhận, xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Tiếp nhận 48 đơn, trong đó 40 đơn đủ điều kiện xử lý (30 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, 10 đơn chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết), 08 đơn không đủ điều kiện xử lý do trùng lặp, nặc danh, đơn không có nội dung và địa chỉ. Trong số 30 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết đã giải quyết xong 27 đơn, đang giải quyết 03 đơn.

4.3. Kết quả tiếp công dân, phòng, chống tham nhũng:

Thực hiện nghiêm quy định về tiếp công dân của Lãnh đạo Sở cũng như tiếp công dân thường xuyên. Trong năm đã tiếp 12 lượt công dân tại Sở và tham gia tiếp công dân tại trụ sở Tiếp công dân UBND tỉnh 08 buổi.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng. Sở đã ban hành các kế hoạch thực hiện phòng chống tham nhũng và thực hiện tiết kiệm chống lãng phí⁴ và triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng theo đúng quy định của pháp luật: Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công; chuyển đổi vị trí công tác của công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng; tăng cường công tác cải cách hành chính và kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính, thực hiện 01 cuộc kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng tại 01 đơn vị trực thuộc Sở (Văn phòng Đăng ký đất đai). Trong năm, không có trường hợp công chức, viên chức vi phạm quy định của Luật phòng, chống tham nhũng.

5. Công tác kế hoạch – tài chính.

5.1. Về giao ngân sách nhà nước:

Theo Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường được UBND tỉnh Bắc Kạn giao 22.477 triệu đồng để triển khai thực hiện 28 nhiệm vụ liên quan đến ngành tài nguyên và môi trường. Trên cơ sở quyết định giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của UBND tỉnh, Sở xây dựng phương án phân bổ dự toán thu - chi ngân sách năm 2020 đảm bảo theo đúng quy định trình Sở Tài

³ Lĩnh vực khoáng sản là 65.000.000 đồng; lĩnh vực môi trường là 121.000.000 đồng, lĩnh vực tài nguyên nước là 30.000.000 đồng; lĩnh vực đất đai là 69.600.000 đồng

⁴ Kế hoạch số 14/KH-STNMT ngày 14/02/2020 về thực hiện chương trình trọng tâm công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng chống tham nhũng; Chương trình số 35/CTr-STNMT ngày 24/4/2020 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020

chính thẩm tra và thực hiện giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2020 theo từng chỉ tiêu nhiệm vụ được giao trong năm cho các đơn vị trực thuộc Sở trước ngày 31/12/2019 nhằm đảm bảo kinh phí hoạt động cho việc thực thi nhiệm vụ được giao của các đơn vị. Kết quả đến nay đã thực hiện xong 28 nhiệm vụ và giải ngân hết số tiền được giao.

5.2. Về thu, chi ngân sách:

Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu 14 loại phí, lệ phí các loại thuộc các lĩnh vực về tài nguyên và môi trường. Tổng số thu năm 2020 được 2.054.587.000 đồng/1.805.000.000 đồng; thu dịch vụ được 5.607.605.000 đồng/4.100.000.000 đồng. Việc thu ngân sách đảm bảo thu đúng, thu đủ.

II. Các lĩnh vực quản lý chuyên ngành về tài nguyên và môi trường.

1. Lĩnh vực quản lý đất đai.

1.1. Hiện trạng sử dụng các loại đất:

Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Bắc Kạn là 485.996,17 ha, gồm 08 đơn vị hành chính cấp huyện (07 huyện và 01 thành phố). Trong đó:

+ Đất nông nghiệp diện tích 459.854,55 ha, chiếm 94,62% so với tổng diện tích tự nhiên và tăng 82,65 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Đất phi nông nghiệp diện tích 19.989,08 ha, chiếm 4,11% so với tổng diện tích tự nhiên tăng 1.045 ha so với kỳ kiểm kê năm 2014.

+ Đất chưa sử dụng diện tích 6.152,54 ha, chiếm 1,27% so với tổng diện tích tự nhiên giảm 1.128,46 ha so với năm 2014, trong đó: Đất bằng chưa sử dụng giảm 459,84 ha; Đất đồi núi chưa sử dụng giảm 233,72 ha; Đất núi đá không có rừng cây giảm 434,90 ha. So với năm 2014 diện tích đất chưa sử dụng giảm mạnh, nguyên nhân giảm chủ yếu do nhân dân đã đẩy mạnh trồng rừng, khai hoang mở rộng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; diện tích đất núi đá không có rừng cây được thu hồi giao đất cho các tổ chức kinh tế để khai thác đá làm vật liệu xây dựng,... do vậy diện tích nhóm đất chưa sử dụng có biến động giảm.

1.2. Công tác lập phương án sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn:

Hằng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng UBND các huyện, thành phố rà soát, xây dựng phương án sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của toàn tỉnh đối với các khu đất đã được giải phóng mặt bằng để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định, năm 2020 tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành đấu giá 04 khu đất với diện tích 2,0ha.

1.3. Kết quả lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cụ thể đối với cấp tỉnh và cấp huyện:

Tham mưu thực hiện công tác tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021 - 2025) tỉnh Bắc Kạn theo quy định Luật quy hoạch. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị rà soát, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch ngành, đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2021 và giai đoạn 2021-2030 để đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Văn bản số 3406/UBND-NNTNMT ngày 18/6/2020 chỉ đạo UBND các huyện, thành phố tổ chức lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán kinh phí để triển khai nhiệm vụ lập quy

hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện theo đúng quy định.

1.4. Công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

Kiểm tra, thẩm định trình UBND tỉnh ban hành 68 quyết định thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (46 quyết định giao đất với diện tích 114,66ha; 13 quyết định thuê đất với diện tích 36,38ha (chuyển mục đích sử dụng đất 6,0ha), 09 quyết định thu hồi đất do chủ sử dụng tự nguyện trả lại đất với diện tích 8,48 ha. Việc tham mưu ban hành các quyết định thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đảm bảo đúng quy định và tiến độ thời gian thủ tục hành chính.

1.5 Công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Tiếp nhận 80 hồ sơ của tổ chức, 15.730 hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân, trong đó đã giải quyết xong 14.688 hồ sơ, đang giải quyết 498 hồ sơ, trả lại 624 hồ sơ.

1.6. Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai:

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 04 huyện đã được xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (huyện Ngân Sơn, Chợ Đồn, Na Rì và thành phố Bắc Kạn). Đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Pác Nặm, Ba Bể và trình UBND tỉnh phê duyệt Thiết kế kỹ thuật-Dự toán xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông, Chợ Mới.

1.7. Công tác định giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất, kết quả thu tài chính từ đất đai:

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng quy định. Trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch định giá đất năm 2020⁵. Trình UBND tỉnh ban hành 53 quyết định giá đất cụ thể. Thu ngân sách từ đất ước đạt 14 tỷ đồng.

1.8. Kết quả thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chủ trì phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, giải quyết các tồn tại, tháo gỡ vướng mắc cho các địa phương trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đúng trình tự, thủ tục và áp dụng cơ chế chính sách theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; đặc biệt là đối với các dự án trọng điểm, những dự án có khó khăn, vướng mắc phức tạp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân có đất bị thu hồi đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án.

1.9. Kết quả thực hiện quyền của người sử dụng đất:

Tổng số hồ sơ thực hiện quyền của người sử dụng đất là 12.192 hồ sơ⁶, đã giải quyết xong 11.463 hồ sơ; đang giải quyết trong hạn 373 hồ sơ; 356 hồ sơ không đủ điều kiện đã trả lại để người dân hoàn thiện.

⁵ Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 và bổ sung Kế hoạch định giá đất năm 2020 tại 05 Quyết định: 308/QĐ-UBND ngày 28/02/2020; 788/QĐ-UBND ngày 06/5/2020; 1614/QĐ-UBND ngày 07/9/2020; 1900/QĐ-UBND ngày 21/10/2020; 2109/QĐ-UBND ngày 17/11/2020

⁶ Chuyển nhượng 3.386 hồ sơ; tặng cho: 1.468 hồ sơ; thừa kế: 1.115 hồ sơ; chuyển đổi: 29 hồ sơ; xác nhận tiếp tục sử dụng đất: 1.780 hồ sơ; Gia hạn: 39 hồ sơ; Chuyển mục đích không xin phép: 13 hồ sơ; tách, hợp thửa: 717 hồ sơ; chuyển mục đích phải xin phép: 450 hồ sơ; đăng ký biến động khác: 3.195 hồ sơ).

1.10. Kết quả khảo sát, lập bản đồ địa chính, đánh giá tiềm năng đất đai:

Đến nay, tỉnh Bắc Kạn đã hoàn thiện việc đo đạc bản đồ địa chính chính quy đối với tất cả các loại đất trên 108/108 xã, phường, thị trấn. Dự án Điều tra, đánh giá đất đai tỉnh Bắc Kạn đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 và được công bố, công khai trên website của Sở và cổng Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn.

1.11. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật lĩnh vực đất đai:

Theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt tại Quyết định số 449/QĐ-STNMT ngày 13/12/2019, trong năm 2020 sẽ tiến hành thanh tra chuyên đề đất trồng lúa tại 05 huyện, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường đối với 16 tổ chức, phối hợp với các cơ quan kiểm tra đối với 06 tổ chức và kiểm tra việc thực hiện 10 kết luận thanh tra đã ban hành từ năm 2017 đến nay. Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh về thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Sở đã báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch thanh tra và giảm việc kiểm tra.

1.12. Những khó khăn, vướng mắc và vấn đề nổi cộm trong quản lý, sử dụng đất, thi hành Luật Đất đai:

a. Về thu hồi, giao đất và quản lý quỹ đất sau thu hồi:

* Vướng mắc, bất cập:

- Tại điểm d, khoản 12, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP: Đề nghị quy định cụ thể về điều kiện xem xét gia hạn sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất chậm đưa đất vào sử dụng, có hành vi vi phạm pháp luật đất đai.

- Theo quy định tại Điều 118, Luật Đất đai năm 2013, Nhà nước giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trên thực tế có những thửa đất thuộc quy hoạch đất ở, nhưng diện tích nhỏ hơn diện tích đất ở tối thiểu được phép xây dựng hoặc đảm bảo diện tích nhưng lại có hình thể lại không phù hợp để chia lô theo quy hoạch và xây dựng nhà ở, công trình độc lập. Việc thực hiện đấu giá không khả thi do các thửa đất nhỏ lẻ có vị trí nằm liền kề với đất ở đã cấp cho các hộ gia đình, cá nhân. Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chưa có quy định và hướng dẫn để xử lý trường hợp này.

Theo quy định tại Điều 68 Luật Đất đai thì đối với đất phi nông nghiệp đã thu hồi theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 và các Điểm a,b,c và d Khoản 1, Điều 65 Luật Đất đai thì giao cho tổ chức dịch vụ công về đất đai để quản lý, đấu giá quyền sử dụng đất, nhưng không quy định cho từng trường hợp, diện tích bao nhiêu. Trên thực tế, có một số trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 và các Điểm a,b,c và d khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai nhưng diện tích nhỏ lẻ, manh mún nên việc giao cho tổ chức dịch vụ công về đất đai để quản lý, đấu giá quyền sử dụng đất trên thực tế chỉ là hình thức, không thể quản lý cũng như đấu giá quyền sử dụng đất.

* Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu tham mưu sửa đổi nội dung tại Điểm b Khoản 1 Điều 68 Luật Đất đai và Điểm

đ Khoản 1 Điều 65 Nghị định số 43/2014/NĐ – CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai theo hướng quy định cụ thể từng trường hợp giao cho tổ chức dịch vụ công về đất đai để quản lý, đấu giá quyền sử dụng đất; trường hợp giao cho địa phương quản lý, xây dựng phương án sử dụng đất. Đề nghị quy định cho phép thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp không đảm bảo điều kiện đấu giá để hợp thửa, quản lý, sử dụng, tránh tình trạng lấn chiếm, thất thoát ngân sách Nhà nước.

b. Về việc thuê đất để thăm dò khai thác khoáng sản:

* Vương mắc, bất cập: Theo quy định tại Điều 152 Luật Đất đai năm 2013 thì đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản bao gồm đất để thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và khu vực các công trình phụ trợ cho hoạt động khoáng sản và hành lang an toàn trong hoạt động khoáng sản. Đất để thăm dò, khai thác khoáng sản được Nhà nước cho thuê đối với tổ chức, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được phép thực hiện dự án thăm dò, khai thác khoáng sản. Việc sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản phải có giấy phép hoạt động khoáng sản và quyết định cho thuê đất để thăm dò, khai thác khoáng sản hoặc quyết định cho thuê đất để làm mặt bằng chế biến khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Chính phủ. Trừ trường hợp thăm dò, khai thác khoáng sản mà không sử dụng lớp đất mặt hoặc không ảnh hưởng đến việc sử dụng mặt đất thì không phải thuê đất mặt (tại Khoản 1 Điều 31 Luật Khoáng sản quy định về nội dung này). Tuy nhiên, đối với việc thăm dò khoáng sản vẫn sử dụng đến lớp đất mặt như khoan, đào nhưng chưa phải dự án đầu tư thì có thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất hay không

* Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tham mưu sửa đổi nội dung đã quy định tại Điều 152 Luật Đất đai, theo hướng quy định rõ trường hợp chỉ thăm dò chưa phải dự án đầu tư thì có thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất hay không; có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện.

c. Về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại Điều 73 Luật đất đai 2013:

Hiện nay Luật chưa quy định đối với trường hợp Nhà đầu tư thực hiện chuyển nhượng không thành công hoặc đã thỏa thuận thành công nhưng còn vướng mắc một phần diện tích đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án. Đề nghị có quy định mức giá trần cho việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đảm bảo hài hòa với các dự án thu hồi đất trong cùng khu vực; đồng thời quy định việc can thiệp của Nhà nước đối với diện tích không thực hiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thành công trong cùng dự án.

d. Xác định tiền thuê đất:

- Việc xác định tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ- CP ngày 14/4/2014 của Chính phủ và Thông tư số 77/2014/TT- BTC còn chưa hợp lý. Cụ thể: Tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê phải trả luôn một lần tại

thời điểm giao đất, nhưng số tiền phải trả lại nhiều hơn trả tiền thuê đất hàng năm. Đề nghị nghiên cứu quy định để tháo gỡ bất cập nêu trên.

- Việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại Khu công nghiệp đối với dự án sử dụng diện tích đất lớn, có giá trị trên 10 tỷ đồng (tỉnh miền núi, vùng cao) thì vẫn phải thực hiện xác định giá cụ thể bằng các phương pháp so sánh, triết trừ, thu nhập, thặng dư như các dự án khác. Tuy nhiên, Khu công nghiệp được đầu tư có cơ sở hạ tầng như nhau việc thực hiện xác định giá đất cụ thể bằng các phương pháp này không cần thiết và thiếu công bằng đối với các dự án cùng đầu tư trong Khu công nghiệp.

e. Việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai:

- Tại Điều 9 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai để báo cáo UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua đồng thời với quyết định mức vốn ngân sách Nhà nước cấp cho việc bồi thường giải phóng mặt bằng tại kỳ họp cuối năm HĐND tỉnh*”. Nhưng, trên thực tế việc xác định mức vốn ngân sách cấp cho việc bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án thường không chính xác, bởi vì khi lập dự án thì kinh phí giải phóng mặt bằng thường là tạm tính; có những dự án mới chỉ có chủ trương đầu tư, chưa xác định cụ thể về quy mô, mới chỉ cấp vốn để lập dự án, chưa thực hiện đo đạc địa chính nên chưa thể có số liệu chính xác về loại đất, diện tích phải thu hồi. Đề nghị nghiên cứu tham mưu tháo gỡ bất cập nêu trên.

g. Về Kế hoạch sử dụng đất:

Về việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất đối với những công trình phát sinh đã được quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ. Nhưng trên thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh (HĐND) 1 năm họp 2 lần, vì vậy những công trình phát sinh giữa 2 kỳ họp HĐND vẫn bị vướng mắc và không có cơ sở thực hiện do chưa được Hội đồng nhân dân thông qua. Đề nghị nghiên cứu quy định đối với những công trình cần thu hồi phát sinh giữa 2 kỳ họp HĐND thì giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh trình Thường trực HĐND đồng ý; Thường trực HĐND cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

1.13. Đề xuất, kiến nghị: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm ban hành văn bản hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật Đất đai như đã nêu tại Mục 1.12 Văn bản này.

2. Lĩnh vực tài nguyên nước.

2.1. Kết quả công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn:

Thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC về tài nguyên nước theo quy trình, quy định⁷. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 56 giấy phép tài nguyên nước còn hiệu lực (08 giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp⁸, 48 giấy phép do UBND tỉnh

⁷Tiếp nhận 12 hồ sơ tài nguyên nước, trong đó cấp 02 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, 04 giấy khai thác sử dụng nước mặt, 01 hồ sơ khai thác nước dưới đất; trả lại 03 hồ sơ, hiện đang thẩm định 02 hồ sơ

⁸ 07 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt; 01 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

cấp⁹). Tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 28/CT-TU ngày 22/7/2020 về tăng cường công tác quản lý về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 587/KH-UBND ngày 06/10/2020 thực hiện Chỉ thị số 28/CT-TU. Triển khai Dự án "Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn".

2.2. Kết quả tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước của 26 giấy phép/30 giấy phép (07 Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, 19 Giấy phép thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, 04 giấy phép khai thác sử dụng với mục đích cấp nước sinh hoạt cho người dân nên không tính tiền cấp quyền). Về cơ bản các đơn vị chấp hành nghiêm túc việc nộp tiền cấp quyền khai thác sử dụng tài nguyên nước.

2.3. Đề xuất, kiến nghị:

Về công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước, các chương trình, nhiệm vụ cần có hướng dẫn chi tiết về quy trình, kinh phí, thời hạn cụ thể để các địa phương triển khai thuận lợi và thống nhất trong toàn quốc, như nhiệm vụ lập danh mục các nguồn nước, kiểm kê tài nguyên nước, kinh phí thực hiện điều tra cơ bản, lập quy hoạch tài nguyên nước... địa phương rất lúng túng và không triển khai được hoặc triển khai không hiệu quả. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước tại các tỉnh.

3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

3.1. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản:

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2013-2020, trong đó đã bổ sung 04 khu vực khoáng sản làm VLXDĐT tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 30/7/2020. Triển khai thực hiện nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh”.

3.2. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản:

Công tác thẩm định hồ sơ hoạt động khoáng sản và thẩm định báo cáo kết quả thăm dò được thực hiện đúng, đầy đủ các bước theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kết quả tham mưu UBND tỉnh cấp 15 giấy phép¹⁰, hiện đang giải quyết 05 hồ sơ. Tổ chức thực hiện đấu giá thành công 05 mỏ khoáng sản¹¹.

3.3. Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 07 quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, với tổng số tiền 3,083 tỉ đồng. Nhìn chung, các doanh

⁹ 06 giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất; 17 giấy phép khai thác sử dụng nước mặt; 25 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

¹⁰ 04 giấy phép thăm dò; 05 quyết định phê duyệt trữ lượng; 04 giấy phép khai thác; chuyển nhượng 01 giấy phép khai thác; gia hạn 01 giấy phép khai thác

¹¹ Đá vôi Phja Càng, xã Văn Minh, huyện Nà Ri; cát sỏi Vằng Chừm, cát sỏi Đèo Vai, cát sỏi Nà Mố - Tổng Cổ, huyện Chợ Mới; chì kẽm Cốc Lót, TT Nà Phặc, huyện Ngân Sơn

nghiệp được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định, chỉ có 02 mỏ nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản¹² với tổng số tiền là 12,745 tỷ đồng. Sở đã phối hợp với Cục thuế đôn đốc các đơn vị thực hiện nộp theo quy định.

3.4. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

Ban hành Kế hoạch số 06/KH-STNMT ngày 13/01/2020 bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; đôn đốc UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn. Đến nay trên địa bàn tỉnh về cơ bản đã chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, tuy nhiên vẫn còn một số địa phương xảy ra khai thác trái phép quy mô nhỏ lẻ, tại các vùng sâu xa, đi lại khó khăn.

3.5. Tình hình hoạt động khoáng sản: công tác thăm dò khoáng sản; công tác khai thác khoáng sản; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản:

- *Số giấy phép thăm dò:* Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 08 giấy phép thăm dò khoáng sản còn thời hạn (06 giấy phép do UBND tỉnh cấp (05 mỏ chì kẽm, 01 mỏ sắt) và 02 giấy phép do Bộ TNMT cấp (02 mỏ chì kẽm). Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang thẩm định 04 hồ sơ thăm dò tại khu vực khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- *Số giấy phép khai thác và tình hình hoạt động:* Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 48 giấy phép khai thác khoáng sản còn thời hạn (10 giấy phép do Bộ TNMT cấp¹³, 38 giấy phép do UBND tỉnh cấp¹⁴). Trong đó, hiện nay có 38/48 giấy phép đang hoạt động¹⁵, nhìn chung các doanh nghiệp khai thác theo giấy phép được cấp, và chấp hành, thực hiện tốt các quy định của Luật khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ tài chính liên quan; 07 giấy phép chưa hoạt động khai thác do đang thực hiện thủ tục¹⁶; 03 giấy phép đang tạm dừng hoạt động (Mỏ đá vôi trắng Nà Hai; Mỏ chì kẽm Nà Tùm; Mỏ chì kẽm Nà Lặng - Nà Cà).

3.6. Tình hình thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng nơi khai thác khoáng sản:

Các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tham gia hỗ trợ và đóng góp một phần kinh phí cho địa phương nơi khai thác khoáng sản; cung cấp, hỗ trợ vật liệu xây dựng đường nông thôn mới, nhà họp thôn,... thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách trên địa bàn dịp lễ tết; kịp thời hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại do sụt lún xung quanh khu vực khai thác khoáng sản. Trong quá trình khai thác, các doanh nghiệp cơ bản chấp hành đầy đủ các quy định về công tác bảo vệ môi trường và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

3.7. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị:

3.7.1. Về việc cấp phép hoạt động khoáng sản cát sỏi:

Liên quan đến việc xin cấp phép hoạt động cát sỏi tại huyện Na Rì, UBND tỉnh Bắc Kạn có Văn bản số 939/UBND-KTTCKT ngày 27/02/2020 xin ý kiến về việc

¹² Mỏ đá vôi trắng Nà Hai, xã Quảng Khê, huyện Ba Bể; mỏ sắt Pù Ô, xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn

¹³ 06 mỏ chì kẽm, 03 mỏ sắt, 01 mỏ đá vôi trắng

¹⁴ 19 mỏ Đá vôi, 09 mỏ cát sỏi, 07 mỏ chì kẽm, 01 mỏ quặng sắt, 02 mỏ vàng gốc.

¹⁵ 05 giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, 33 giấy phép do UBND tỉnh cấp

¹⁶ 04 mỏ chì kẽm, 01 mỏ đá, 01 mỏ cát, 01 mỏ sắt

cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (Mỏ cát sỏi Hợp Thành - Hát Lại, xã Sơn Thành, huyện Na Rì được UBND tỉnh Bắc Kạn cấp phép khai thác từ năm 2009 đến năm 2016; sau khi hết hạn, năm 2017 doanh nghiệp thực hiện đóng cửa mỏ theo quy định. Hiện nay tỉnh đang xem xét tiếp tục cấp phép, tuy nhiên do liên quan đến khoáng sản đi kèm, vì vậy cần xin ý kiến của Bộ. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã giao Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xem xét. Theo đề nghị của Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, UBND tỉnh đã cung cấp tài liệu theo đúng yêu cầu. Tuy nhiên hiện nay, UBND tỉnh Bắc Kạn chưa nhận được hướng dẫn cụ thể.

Kiến nghị: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét chỉ đạo nội dung nêu trên.

3.7.2. vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục đất đai đối với trường hợp cấp phép hoạt động khoáng sản thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Theo quy định tại Điểm đ Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013 và Khoản 2 Điều 82 Luật Khoáng sản 2010 thì các dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà Chủ đầu tư và người có đất phải tự thỏa thuận việc sử dụng đất sản xuất kinh doanh (thực hiện Dự án khai thác khoáng sản) thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Trường hợp khu vực khoáng sản sau khi tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thành công mà Chủ đầu tư (đơn vị trúng đấu giá) không tự thỏa thuận được với người có đất thì sẽ không giải phóng được mặt bằng, dẫn đến không triển khai được công tác thăm dò và lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản. Như vậy, doanh nghiệp không triển khai được dự án đối với khu vực khoáng sản đã trúng đấu giá quyền khai thác. Hiện nay, pháp luật về khoáng sản và đất đai chưa có quy định điều chỉnh trường hợp này.

Kiến nghị: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu bổ sung thêm quy định về nội dung nêu trên (nhà nước thu hồi đất đối với dự án đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

3.7.3. vướng mắc trong việc thuê đất trong thăm dò khoáng sản:

Việc triển khai thực hiện thuê đất trong thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Luật Khoáng sản năm 2010 gặp khó khăn trong lập hồ sơ thủ tục để thực hiện công tác quản lý tại địa phương, Cụ thể:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Khoáng sản năm 2010 và Điều 152 Luật đất đai năm 2013, việc sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản phải thuê đất, tuy nhiên nội dung này không khả thi trong thực tế: Vì mục đích của hoạt động thăm dò khoáng sản là xác định quy mô phân bố, trữ lượng, chất lượng khoáng sản được thăm dò để nghiên cứu khả thi, lập dự án đầu tư khai thác. Các công trình thăm dò như khoan, hào, giếng có thời gian thi công rất ngắn và diện tích sử dụng không lớn (chỉ khoảng vài chục m²), đồng thời sau khi kết thúc thi công, tổ chức cá nhân thăm dò phải san lấp các công trình, hoàn trả lại trạng thái ban đầu, nên hầu như không ảnh hưởng đến mục đích sử dụng đất của tổ chức cá nhân sử dụng đất hợp pháp. Mặt khác sau khi thu hồi những diện tích nhỏ nêu trên để phục vụ công

tác thăm dò, khi kết thúc thăm dò sẽ rất khó khăn trong công tác quản lý. Do vậy, hiện nay địa phương rất vướng mắc trong việc thuê đất thăm dò khoáng sản.

Kiến nghị: Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, hướng dẫn cụ thể.

3.7.4. Vướng mắc về công tác điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản của UBND cấp tỉnh:

Công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản được quy định tại chương IV Luật Khoáng sản và Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn phần đất liền trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Mặt khác, tại Quyết định số 1388/QĐ-TTg ngày 13/8/2013, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; trong đó, quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản không có loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (như cát, sỏi, đá vôi, đất sét, đất san lấp là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường).

Pháp luật về khoáng sản hiện hành chưa có quy định về thẩm quyền của UBND cấp tỉnh thực hiện công tác điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Vì vậy, địa phương gặp khó khăn trong công tác lập quy hoạch khoáng sản đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

Kiến nghị: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét ban hành quy định cụ thể để UBND cấp tỉnh có cơ sở để thực hiện.

4. Lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4.1. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường:

- Chất lượng môi trường không khí: Kết quả quan trắc môi trường không khí tỉnh Bắc Kạn năm 2020 cho thấy chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh còn tốt. Cường độ tiếng ồn và hàm lượng các chất gây ô nhiễm (CO, NO₂, SO₂, Bụi TSP) trong môi trường không khí tại các vị trí quan trắc đều thấp hơn giá trị cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Nồng độ các chất trong môi trường không khí xung quanh đều có xu hướng giảm so với năm 2019. Tỉnh Bắc Kạn không có điểm nóng về ô nhiễm không khí.

- Chất lượng môi trường nước mặt: Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Bắc Kạn năm 2020 cho thấy, tại các vị trí quan trắc, hàm lượng của các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 - dùng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác. Nhiều vị trí chất lượng nước đạt loại A2 - đạt chất lượng cấp nước cho sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp. Nồng độ các chất trong môi trường nước mặt đều có xu hướng giảm so với năm 2019. Trên địa bàn tỉnh không có khu vực ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng.

4.2. Các nguồn gây ô nhiễm môi trường:

- Việc xử lý triệt để, di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được chú trọng thực hiện. Đã thực hiện xử lý được 1 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Bản Vén, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn từ năm 2018. Trong năm 2020 đã thực hiện rà soát, điều chỉnh dự án của 04 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh và đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ kinh phí xử lý.

- Công tác bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp được tỉnh chú trọng ngay từ đầu. Tỉnh Bắc Kạn có 01 khu công nghiệp là KCN Thanh Bình đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 2.500m³/ngày đêm, nước thải phát sinh của tất cả các dự án trong khu công nghiệp đảm bảo được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường. Chất thải rắn sinh hoạt của các nhà máy hoạt động trong khu công nghiệp được Công ty đô thị môi trường huyện Chợ Mới thu gom 02 lần/tuần. Các dự án triển khai tại KCN Thanh Bình đều được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định và thực hiện cơ bản đúng theo nội dung báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận. Công tác bảo vệ môi trường đối với Khu công nghiệp Thanh Bình thường xuyên đã được quan tâm, chỉ đạo, tiến hành thanh tra, kiểm tra và tham mưu xử lý kịp thời khi có sự cố về môi trường.

- Đối với các nguồn thải lớn: Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có 03 cơ sở nằm ngoài khu công nghiệp có quy mô xả nước thải trên 1.000 m³/ngày đêm¹⁷. Các cơ sở đều đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Tuy nhiên, hiện nay cả 3 cơ sở chưa tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tự động, liên tục theo quy định.

- Dự án khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, thủy điện: Tính đến hết tháng 11/2020, toàn tỉnh có 48 giấy phép khai thác khoáng sản được cấp còn thời hạn, trong đó có 29 giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng (cát sỏi, đá vôi, đá hoa trắng), 19 giấy phép khai thác khoáng sản kim loại (chì, kẽm, sắt, vàng). Các nguồn gây ô nhiễm và tác động đến môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản chủ yếu là từ nước thải từ việc tháo khô moong khai thác, nước cuốn trôi qua bề mặt qua khu vực khai thác, khu vực bãi thải, nước thải từ quá trình sàng tuyển quặng; bụi, khí thải từ các hoạt động vận chuyển, xúc bốc, khoan nổ mìn, nghiền sàng,.. Ngoài ra còn có các tác động thứ cấp như: sụt lún, nứt đất, nhà cửa và các công trình xây dựng do hạ thấp mực nước ngầm; một số tuyến đường giao thông bị ảnh hưởng hư hỏng, xuống cấp nhanh do vận chuyển quá tải trọng; làm giảm diện tích đất nông nghiệp (30,73 ha), rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (4,08 ha) do chuyển đổi mục đích sử dụng đất .

4.3. Tình hình phát sinh và xử lý chất thải: Tổng lượng chất rắn phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 197.908,3 tấn, trong đó: 59,5 tấn chất thải nguy hại; 74.628,2 tấn chất thải rắn sinh hoạt thông thường; 109,3 tấn chất thải rắn y tế; 123.111,3 tấn

¹⁷ Mô chì kẽm Nà Bốp - Pù Sáp của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn có quy mô xả nước thải là 1.719,2 m³/ngày đêm; mỏ quặng chì kẽm Chợ Điện của Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn có quy mô xả nước thải là 1.475 m³/ngày đêm; mỏ sắt Pù Ô của Công ty cổ phần khoáng sản Na Rì Hamico có quy mô xả nước thải là 1.425 m³/ngày đêm

chất thải rắn công nghiệp. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 08/08 huyện, thành phố được đầu tư cơ sở hạ tầng và lò đốt rác thải sinh hoạt. Chất thải rắn công nghiệp phát sinh trên địa bàn tỉnh chủ yếu là đất đá thải trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản. Các cơ sở sản xuất công nghiệp thường tận dụng lại nguồn chất thải rắn công nghiệp thông thường để làm vật liệu san lấp (với đất, đá thải) hoặc bán cho các cơ sở kinh doanh phế liệu. Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý bằng công nghệ lò đốt tại các bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện đa khoa huyện, tại các cơ sở sản xuất kinh doanh được chủ cơ sở thu gom, lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNHH và hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định. Hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở có đủ điều kiện thu gom, xử lý CTNH, các chủ cơ sở phải hợp đồng với các đơn vị ở các tỉnh khác.

4.4. Công tác cấp phép hoạt động bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường:

Tiếp nhận 27 thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường, trong đó: 19 báo cáo đánh giá tác động môi trường, 03 hồ sơ xác nhận công trình bảo vệ môi trường, 03 kế hoạch bảo vệ môi trường, 02 hồ sơ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Đã giải quyết xong: 19/27 hồ sơ (trình phê duyệt, xác nhận: 16 hồ sơ, 03 hồ sơ trả lại), đang giải quyết: 8 hồ sơ. Tất cả các hồ sơ giải quyết đều đảm bảo đúng quy trình thẩm định, không có hồ sơ giải quyết chậm.

4.5. Công tác phòng ngừa, khắc phục sự cố môi trường:

Chú trọng công tác bảo vệ môi trường từ ngay giai đoạn lập dự án đầu tư nhằm loại bỏ các dự án sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu, gây mức độ ô nhiễm môi trường cao. Quy định các dự án phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai hoạt động, nâng cao hơn nữa chất lượng thẩm định hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường. Qua kiểm tra cho thấy phần lớn các đơn vị đã có ý thức tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tuy nhiên còn tình trạng xả nước thải không đạt tiêu chuẩn ra môi trường, đổ chất thải không đúng nơi quy định. Khi thanh tra, kiểm tra phát hiện ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã có biện pháp xử lý theo quy định, đồng thời yêu cầu đơn vị khắc phục hành vi vi phạm.

4.6. Triển khai các hoạt động quan trắc môi trường:

Thực hiện chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh theo Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 29/12/2017. Tuy nhiên, do nguồn kinh phí khó khăn, nên chưa thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường theo mạng lưới quan trắc. Năm 2020, thực hiện 3 đợt quan trắc môi trường không khí xung quanh, 3 đợt quan trắc môi trường nước mặt, 2 đợt quan trắc môi trường nước ngầm, 1 đợt quan trắc môi trường đất. Hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có trạm quan trắc môi trường tự động. Theo kết quả quan trắc môi trường năm 2020, nhìn chung chất lượng môi trường tỉnh Bắc Kạn còn tương đối tốt.

4.7. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị:

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác bảo vệ môi trường còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ (Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn; trạm quan trắc môi trường tự động để quan trắc chất lượng nước lưu vực sông trên địa bàn).

- Thiếu kinh phí triển khai các chương trình, dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt là đối với các dự án xử lý ô nhiễm. Hiện tại trên địa bàn tỉnh còn 04 dự án cơ sở gây ô nhiễm môi trường chưa có kinh phí triển khai thực hiện.

5. Lĩnh vực biến đổi khí hậu.

Ngay từ đầu năm, thiên tai đã xảy ra trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết sức phức tạp, khó lường, các hiện tượng cực đoan về khí hậu như mưa đá, giông lốc đã gây thiệt hại lớn về nhà cửa, hoa màu, tài sản của nhân dân. Tính đến thời điểm hiện tại, có 03 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Bắc Kạn, thiên tai đã làm 01 người chết, 04 người bị thương, ước tổng thiệt hại trên 30 tỷ đồng. Điển hình như trận mưa đá kéo theo dông lốc đêm 24 và ngày 25/01/2020 (tức đêm 30 và ngày mùng một Tết Nguyên đán) đã gây thiệt hại 3.502 ngôi nhà, 10 phòng học bị hư hỏng, 139 ha cây trồng bị thiệt hại, ước tính thiệt hại khoảng 15,9 tỷ đồng.

Trong năm 2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu trình UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Báo cáo Đánh giá khí hậu tỉnh Bắc Kạn và Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Bắc Kạn. Triển khai xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH giai đoạn 2021 – 2030.

6. Lĩnh vực khí tượng thủy văn.

6.1. Công tác quản lý các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn:

Đài Khí tượng Thủy văn (KTTV) tỉnh Bắc Kạn là đơn vị trực thuộc Đài Khí tượng thủy văn khu vực Việt Bắc thực hiện chức năng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn trong phạm vi tỉnh Bắc Kạn. Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có tổ chức, các nhân nào được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

6.2. Công tác phối hợp, tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn:

Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thực hiện trực ban theo chế độ quy định, luôn kịp thời chuyển tiếp các bản tin dự báo cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn từ Đài KTTV tỉnh, Đài KTTV khu vực Việt Bắc, Trung tâm dự báo KTTV Trung ương, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT đến cơ quan thường trực PCTT và TKCN cấp huyện, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình và các cơ quan liên quan. Việc tiếp nhận, truyền thông tin được thực hiện, trao đổi trực tiếp bằng điện thoại, gửi tin nhắn, phần mềm trực tuyến trên trang thông tin điện tử Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, gửi qua đường chuyển phát của ngành Bưu điện, các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện theo dõi, cập nhật bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng

thủy văn, tiếp nhận và chuyển tiếp tình hình diễn biến thiên tai đến các tổ chức có liên quan, phân tích thông tin về thiên tai để tổng hợp, báo cáo và đề xuất giải pháp cần thiết, biên soạn nhanh và gửi đến các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; lưu trữ các bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo quy định. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tiếp nhận các bản tin dự báo KTTV 10 ngày, bản tin tháng, bản tin mùa do Đài KTTV tỉnh Bắc Kạn cung cấp để tổng hợp.

7. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám.

7.1. Về đo đạc và bản đồ:

- Các nội dung cơ bản trong hoạt động đo đạc và bản đồ của Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm: Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc trên địa bàn tỉnh chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ khi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

- Kết quả triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ: Không có.

- Kết quả xây dựng dữ liệu địa lý thuộc trách nhiệm được giao tại Điều 27 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ: Bắc Kạn là tỉnh còn nhiều khó khăn do vậy chưa bố trí được kinh phí để thực hiện việc xây dựng dữ liệu địa lý theo quy định.

7.2. Về quản lý, ứng dụng trong hoạt động viễn thám:

- Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong phạm vi quản lý: Năm 2020, tỉnh Bắc Kạn không có các đề án, dự án ứng dụng viễn thám trong quản lý.

- Nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương định kỳ hàng năm, 05 năm: Để phục vụ các chương trình, đề án, dự án trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn do các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố làm chủ đầu tư chủ yếu sử dụng nguồn tài liệu bản đồ địa hình, bản đồ địa chính các tỷ lệ để tổ chức thực hiện phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội như điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, phòng chống thiên tai và đảm bảo an ninh quốc phòng ... do vậy, tỉnh Bắc Kạn đề nghị được cập nhật và cung cấp các ứng dụng viễn thám theo yêu cầu quản lý của tỉnh, gồm: Quản lý tài nguyên đất; quản lý tài nguyên nước; quản lý địa chất và tài nguyên khoáng sản; quản lý bảo vệ môi trường; đo đạc và bản đồ; nông nghiệp và phát triển nông thôn.

7.3. Những khó khăn, vướng mắc:

Bản đồ địa chính của tỉnh chủ yếu được đo đạc bằng phương pháp toàn đạc tỷ lệ 1:500; 1:1000 đối với đất ở, đất nông nghiệp, đất trồng cây hàng năm,...; bản đồ địa chính tỷ lệ 1:10.000 đối với đất lâm nghiệp được thành lập bằng phương pháp khoanh vẽ bằng công nghệ không ảnh nên việc tiếp biên hai loại bản đồ này có sự chồng lấn, hở phần diện tích, gây khó khăn khi xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và cấp Giấy chứng nhận cho chủ sử dụng đất.

Hiện nay tỉnh đã được cung cấp bộ cơ sở dữ liệu địa lý, tuy nhiên hàng năm chưa được cập nhật, bổ sung do khó khăn về nguồn kinh phí nên tỉnh chưa tổ chức vận hành, khai thác sử dụng theo quy định.

Chưa bố trí được kinh phí để thực hiện việc xây dựng dữ liệu địa lý theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019.

Công tác quản lý nhà nước về viễn thám trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế như công nghệ viễn thám là lĩnh vực mới tài liệu cập nhật ít, con người, cơ sở hạ tầng trang thiết bị chưa được đầu tư để phục vụ cho công tác quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám; mặt khác trình độ năng lực của công chức trong lĩnh vực quản lý, khai thác thông tin dữ liệu viễn thám còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong công việc.

7.4. Đề xuất, kiến nghị:

Bắc Kạn còn nhiều khó khăn về kinh phí đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, báo cáo Chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý theo quy định; cập nhật, bổ sung, hỗ trợ vận hành bộ cơ sở dữ liệu địa lý đã được lập trên địa bàn tỉnh phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương và nhiệm vụ đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 bằng phương pháp đo đạc trực tiếp bằng công nghệ máy GPS cầm tay hoặc máy RTK để đảm bảo độ chính xác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân và phục vụ tốt hơn nhiệm vụ quản lý đất đai tại địa phương.

Cung cấp phần mềm bản quyền để sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám và hỗ trợ cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ viễn thám tại địa phương.

Do kinh phí địa phương gặp nhiều khó khăn về ngân sách chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách của Trung ương đề nghị Cục Viễn thám quốc gia, Bộ tài nguyên và Môi trường cung cấp dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ các chương trình, đề án, dự án như: Điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên thiên nhiên, môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương trong thời gian tới.

8. Lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai Chính phủ điện tử tài nguyên và môi trường.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành, giải quyết công việc đã được quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng. đặc biệt là phòng máy chủ của ngành đã được trang bị hệ thống chống sét để đảm bảo an toàn cho phòng máy chủ tránh khỏi các rủi ro về sự cố như nhiễm từ, nhiễm sét hoặc bị sét đánh trực tiếp vào hệ thống lưới điện làm hỏng, cháy máy chủ và các thiết bị trong phòng máy, bảo vệ an toàn cho hệ thống máy chủ và các trang thiết bị trong phòng máy thực hiện nhiệm vụ vận hành và lưu trữ các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của ngành trên địa bàn tỉnh; hệ thống mạng LAN được trang bị nhằm hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ của Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành trên địa bàn, tiết kiệm chi phí sử dụng, dễ quản lý, khai thác, trao đổi và chia sẻ dữ liệu, đặc biệt là hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc không bị ảnh hưởng khi đường truyền mạng Internet có sự cố, mất mạng nhằm sẵn sàng kết nối, cung cấp thông tin dữ liệu phục vụ Chính phủ điện tử.

Tiếp nhận và quản trị hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu môi trường. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản trị cơ sở dữ liệu đất đai của ngành đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định.

III. Tình hình triển khai các nhiệm vụ được giao do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh, Chương trình hành động của UBND tỉnh về nhiệm vụ, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2020; căn cứ chức năng, nhiệm vụ và bám sát phương châm hành động năm 2020 của Chính phủ “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả*”, năm 2020 Sở Tài nguyên và Môi trường đã quyết liệt, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra.

Tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm kê đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2019, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

Thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa, tham mưu xây dựng Dự thảo Kế hoạch giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Hiện tại đang trình UBND tỉnh phê duyệt.

Là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án tăng cường xử lý vi phạm hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai theo Quyết định số 1675/QĐ-TTg ngày 29/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Sở đã tham mưu ban hành kế hoạch thực hiện (Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh) và tổ chức thực hiện, hàng năm đôn đốc việc thực hiện của UBND cấp huyện và báo cáo kết quả thực hiện từng năm với bộ Tài nguyên và Môi trường.

VI. Đánh giá chung.

1. Kết quả đạt được.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 đã đạt được những thành tích nổi bật, cụ thể như: Công tác cải cách hành chính được tăng cường hạn chế được tình trạng giải quyết thủ tục hành chính quá hạn, các nhiệm vụ, dự án về cơ bản hoàn thành theo đúng tiến độ đề ra, nhiệm vụ UBND tỉnh giao được thực hiện đảm bảo theo đúng tiến độ không có nhiệm vụ giải quyết quá thời hạn, công tác quản lý đất đai ngày càng được tăng cường, công tác quản lý môi trường dần đi vào nề nếp, hạn chế được tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ, công tác quản lý tài nguyên khoáng sản-tài nguyên nước ngày càng tốt hơn, công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo được kịp thời không còn tồn đọng, chậm giải quyết gây bức xúc trong nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế.

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chưa được xử lý theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Số lượng hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 phát sinh thấp, hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 không có hồ sơ phát sinh.

3. Nguyên nhân.

Do chưa có kinh phí để thực hiện nhiệm vụ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Tài nguyên và môi trường là lĩnh vực phức tạp, thành phần hồ sơ nhiều, đồng thời do tâm lý e ngại của người dân về việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2021

I. Nhiệm vụ chung.

1. Xây dựng và phổ biến chính sách, pháp luật.

Tham mưu xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên và môi trường.

2. Công tác tổ chức, cán bộ.

Tiếp tục tổ chức tốt công tác quy hoạch, điều động, bổ nhiệm cán bộ theo quy trình (kiến nghị kiện toàn chức vụ Giám đốc Sở và 02 phó Giám đốc Sở).

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, trình độ lý luận cho công chức, viên chức và người lao động.

3. Công tác cải cách thủ tục hành chính.

Rà soát, kiến nghị đơn giản hóa ít nhất 02 thủ tục hành chính.

Duy trì và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015.

Tiếp tục thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường công tác tuyên truyền hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, tập trung vào công tác quản lý đất đai, bảo vệ môi trường theo định hướng của Bộ TN&MT, chỉ đạo của UBND tỉnh, đảm bảo đáp ứng công tác quản lý nhà nước và hạn chế chồng chéo trong thanh, kiểm tra.

Thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy trình, quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

5. Công tác kế hoạch – tài chính.

Thực hiện công tác kế hoạch tài chính đảm bảo công khai, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

II. Các nhiệm vụ theo từng lĩnh vực.

1. Lĩnh vực quản lý đất đai.

- Thực hiện xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Ba Bể và huyện Pác Nặm: Dự kiến tổ chức thực hiện từ năm 2021.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông, Chợ Mới: Dự kiến tổ chức thực hiện từ năm 2022.

- Điều tra thoái hóa đất, ô nhiễm đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
- Thực hiện đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ lâm trường quốc doanh do các Công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số

118/2014/NĐ - CP, Ban quản lý rừng và các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính gắn với cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Chỉnh lý bản đồ, hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đơn vị sắp xếp theo Nghị quyết số 855/NQ- UBTVQH 14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Lĩnh vực tài nguyên nước.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác tài nguyên nước dưới đất.

3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

- Tiếp tục triển khai thực hiện dự án khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Tiếp tục thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch đấu giá năm 2021.

4. Lĩnh vực môi trường.

- Xây dựng Quy chế vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp bảo vệ môi trường năm 2021 theo kế hoạch; Thực hiện các dự án xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn khi được Trung ương hỗ trợ kinh phí.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Kạn cho phù hợp với tình hình hiện nay.

5. Lĩnh vực biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong ứng phó BĐKH. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.

- Triển khai, hướng dẫn thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Bắc Kạn.

- Thực hiện các nhiệm vụ, dự án liên quan đến ứng phó BĐKH của tỉnh được phân công.

6. Lĩnh vực khí tượng thủy văn.

- Đôn đốc các đơn vị, tổ chức có công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng và chủ công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh phải thực hiện công tác lắp đặt, kiểm định, hiệu chuẩn các phương tiện, dụng cụ, máy đo chuyên ngành khí tượng thủy văn; thực hiện cung cấp các thông tin, số liệu đo đạc các yếu tố khí tượng thủy văn;

- Thực hiện quy chế phối hợp dự báo khí tượng thủy văn mùa mưa lũ đối với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Bắc Kạn, Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Việt Bắc theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn theo đúng quy định hiện hành. Hướng dẫn các chủ đầu tư, các

đơn vị thẩm định các cấp và các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện quy định tại Điều 32 Luật khí tượng thủy văn và các quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn trong việc khai thác sử dụng thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn đối với các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo hiệu quả, an toàn công trình khi đưa vào sử dụng, tránh gây lãng phí trong quá trình thực hiện đầu tư các dự án và không gây thất thoát nguồn thu phí trong khai thác, sử dụng tài liệu thông tin khí tượng thủy văn theo quy định hiện hành.

7. Lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám.

Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc trên địa bàn tỉnh chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về đo đạc và bản đồ khi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

Tổng hợp nhu cầu và cung cấp dữ liệu ảnh viễn thám; khai thác thông tin dữ liệu viễn thám theo nhu cầu các tổ chức, cơ quan đơn vị theo quy định.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác của Sở tài nguyên và Môi trường trong năm 2020./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên (báo cáo);
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP (Hạnh).

Q. GIÁM ĐỐC

Hoàng Thanh Oai